

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---***---

Bản án số: 34/2018/HS-ST

Ngày 13/6/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành.*

- *Các hội thẩm nhân dân: 1, Ông Nguyễn Thế Trung
2, Ông Phạm Văn Hoài.*

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình..*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình tham gia
phiên tòa: Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát
xét xử tại phiên tòa.*

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2018 tại Nhà văn hóa xã Minh Tân, huyện
Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số:
34/2018/HSST ngày 28 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử
số: 32/2018/HSST-QĐ ngày 01/6/2018 đối với bị cáo:

Trần Văn L (tên gọi khác: Không), sinh năm 1981; Giới tính: Nam.

Nơi sinh: xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Trú tại: Thôn H, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Dân tộc: Kinh.

Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Họ tên bố đẻ: Trần Văn Đ, sinh năm 1947; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị X, sinh năm
1956.

Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ 2.

Vợ, con: Chưa.

Nhân thân: Tại bản án số 45/2011/HSST ngày 24/3/2011 của Tòa án
nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 09 tháng tù về tội:
Trộm cắp tài sản. Ngày 27/02/2012 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo
chấp hành xong phần án phí hình sự.

Tiền án: Không.

Tiền sự (có 01 tiền sự): Quyết định số 30 ngày 07/5/2017 của Ủy ban
nhân dân xã Minh Tân quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường,
thị trấn thời hạn 03 tháng kể từ ngày 07/5/2017. Ngày 07/8/2017 bị cáo chấp
hành xong quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường, thị trấn.

*Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/3/2018 tại Nhà tạm giữ Công an
huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, trích xuất có mặt tại phiên tòa.*

*** Người làm chứng:**

- Ông Trương Văn D, sinh năm 1967 (*vắng mặt*)
 - Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1952 (*vắng mặt*)
- Đều trú tại: Thôn H, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Văn L là đối tượng nghiện ma túy, do đã có lần mua ma túy để sử dụng nên L biết người phụ nữ tên L1 ở thôn L, xã M, huyện Đông Hưng có bán ma túy. Khoảng 16 giờ ngày 27/3/2018 do có nhu cầu sử dụng ma túy nên L đi từ nhà, sau đó đi nhờ xe mô tô của người đàn ông không rõ tên, địa chỉ đến cổng Ủy ban xã M thì dừng lại rồi một mình đi vào nhà chị L1. Khi đến nhà L1 chỉ có L1 ở nhà L nói: Chị để cho em một cái (ý nói bán cho 1 gói ma túy) và đưa cho L1 170.000 đồng, gồm: 01 tờ mệnh giá 100.000đồng; 01 tờ mệnh giá 50.000đồng; 01 tờ mệnh giá 20.000đồng. L1 đồng ý cầm tiền đi vào trong nhà sau đó quay ra đưa cho L 01 gói được gói bằng giấy nilon màu đen. L cầm gói ma túy trong lòng bàn tay trái đi ra mé đường 39 rồi đi nhờ xe mô tô của một người đàn ông (không rõ, tên, tuổi, địa chỉ) đến nghĩa trang thôn H, xã M thì dừng lại mục đích vào nghĩa trang để sử dụng. Khi đang đi bộ vào nghĩa trang thì bị lực lượng Công an huyện Đông Hưng và Công an xã M tuần tra, phát hiện bắt quả tang. Công an huyện Đông Hưng đã mời người làm chứng, thu ở lòng bàn tay trái của L 01 gói ma túy được gói bằng giấy nilon màu đen, bên trong được gói bằng giấy trắng kim màu vàng kích thước (1x1,5)cm, bên trong là chất bột màu trắng dạng cục L khai là hêrôin mua về sử dụng. Công an huyện Đông Hưng đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng và dẫn giải về Công an huyện để giải quyết.

Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của bị cáo Trần Văn L nhưng không thu giữ, quản lý gì.

Tại bản kết luận giám định số 107/KLGD-PC54 ngày 28/3/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: “Mẫu gửi giám định thu của Trần Văn L là ma túy, loại hêrôin, có trọng lượng 0,1903 gam”.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên Cáo trạng số 37/KSĐT ngày 25/5/2018 đã truy tố, hành vi của bị cáo Trần Văn L đủ yếu tố cấu thành tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về áp dụng pháp luật và hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Đề nghị tuyên phạt bị cáo Trần Văn L 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù giam và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* Ngoài ra còn đề nghị HĐXX giải quyết về vật chứng, án phí của vụ án.

Bị cáo Trần Văn L nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các quy định của pháp luật giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

[2.1] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội bởi lẽ: Đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước, gây mất trật tự an ninh an toàn xã hội. Ma túy còn là nguồn gốc phát sinh các loại bệnh tật ảnh hưởng đến giống nòi và thuần phong mỹ tục của dân tộc, kéo theo sự xuống cấp của đạo đức xã hội. Tác hại của việc sử dụng trái phép chất ma túy đối với xã hội là rất nặng nề và là nguồn gốc của nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác. Bị cáo đã bị xét xử về hành vi trộm cắp tài sản và đã bị xử phạt hành chính bằng biện pháp giáo dục tại xã, phường, bị cáo đã nhận thức rõ tác hại, sự nguy hiểm của ma túy, nhưng vẫn không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân và lấy đó làm bài học mà vẫn có hành vi tàng trữ trái phép ma túy, coi thường pháp luật. Vì vậy cần lên cho bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục riêng, phòng ngừa tội phạm chung.

[2.2] Ngoài ra lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra; phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 27/3/2018; Kết luận giám định số 107/KLGD-PC54 ngày 28/3/2018 và lời khai của những người làm chứng anh Trương Văn D và ông Nguyễn Ngọc C cùng toàn bộ các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ.

[2.3] Do vậy có đủ cơ sở kết luận bị cáo đã có hành vi xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước về các chất gây nghiện nên khoảng 16 giờ 10 phút ngày 27/3/2018 tại khu vực nghĩa trang thuộc thôn H, xã M, huyện Đông Hưng bị cáo Trần Văn L đã có hành vi tàng trữ 0,1903 gam ma túy, loại hêrôin với mục đích để sử dụng và bị bắt quả tang. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

“Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy:

l: Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a.....

c. Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối L từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

d.....”.

[2.4] Khi xem xét, cân nhắc hình phạt HĐXX thấy rằng: Bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền sự chưa được xóa, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Về các tình tiết giảm nhẹ: Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; hiện bị cáo đang bị bệnh HIV giai đoạn CD4 có bệnh án điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình, sức khỏe yếu vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, vì vậy cần áp dụng mức án đối với bị cáo như vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng đã đề nghị là phù hợp.

[2.5] Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo Trần Văn L tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy không vì mục đích vụ lợi, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[2.6] Trong vụ án này:

- Đối với người đàn ông L không biết tên, tuổi, địa chỉ cho L đi nhờ xe từ đường thôn gần nhà L ra cổng Ủy ban nhân dân xã M và người đàn ông cho bị cáo đi nhờ sau khi đã mua được ma túy từ đường 39 về nghĩa trang thôn H, xã M, L cũng không biết rõ tên, tuổi, địa chỉ. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không có căn để xử lý.

- Về nguồn gốc số ma túy: Bị cáo khai mua của một người phụ nữ tên L1 ở thôn H, xã M, huyện Đ. Quá trình điều tra Công an huyện Đông Hưng xác định người phụ nữ tên L1 như bị cáo khai là Bùi Thị L1, sinh năm 1967, trú tại thôn H, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Tại cơ quan điều tra L1 không thừa nhận đã bán ma túy cho bị cáo L, Cơ quan điều tra đã cho bị cáo và L1 đối chất, L1 không nhận bán ma túy cho bị cáo L. Ngoài lời khai của bị cáo không có tài liệu nào khác chứng minh việc L1 bán ma túy cho L nên không có căn cứ xử lý đối với Bùi Thị L1 là đúng pháp luật.

[3] Về vật chứng: □p dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu, tiêu hủy: 0,1705 gam ma túy hoàn trả lại sau giám định thu giữ của bị cáo Trần Văn L có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công

an huyện Đông Hưng và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng ngày 25/5/2018.

[4] Về án phí: Bị cáo Trần Văn L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Văn L có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn L phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Áp dụng điều luật và hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Văn L **02 (hai)** năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 27/3/2018.

3. Về vật chứng: □p dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu, tiêu hủy: 0,1705 gam ma túy hoàn trả lại sau giám định thu giữ của bị cáo Trần Văn L có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Đông Hưng và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng ngày 25/5/2018.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2013/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bị cáo Trần Văn L phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Văn L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp Thái Bình;
- VKSND huyện Đông H- ng;
- THADS huyện Đông H- ng;
- Công an huyện Đông Hưng;
- Bị cáo;
- L- u hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Hoàng Văn Thành